

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 5/2026

**“Xuất khẩu cao su chuyên hướng, giảm sự phụ thuộc mạnh vào thị trường
Trung Quốc”**

Thuộc nhiệm vụ:

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại.**

Hà Nội, tháng 5/2026

TÓM TẮT:

Bài viết: “Xuất khẩu cao su chuyển hướng, giảm sự phụ thuộc mạnh vào thị trường Trung Quốc”

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, lũy kế 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cao su của Việt Nam ghi nhận sự phân hóa khi kim ngạch giảm nhưng sản lượng vẫn tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu đạt 844,76 triệu USD, giảm 3,3%; sản lượng đạt 455,18 nghìn tấn, tăng 0,5%; giá xuất khẩu bình quân đạt 1.856 USD/tấn, giảm 3,78%. Riêng trong tháng 4/2026, xuất khẩu cao su giảm cả về lượng và trị giá so với tháng trước và cùng kỳ năm 2025, đạt 68,67 nghìn tấn với trị giá 137,18 triệu USD.

Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia tiếp tục là ba thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026, chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này.

Về thị trường, Trung Quốc vẫn là điểm đến lớn nhất đối với cao su Việt Nam. Trong 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sang thị trường này đạt 540,33 triệu USD, giảm 12,36% so với cùng kỳ năm 2025; sản lượng đạt 292,66 nghìn tấn, giảm 9,54%. Trong khi đó, xuất khẩu sang Ấn Độ ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đạt 54,23 triệu USD, tăng 33,71%; sản lượng đạt 26,45 nghìn tấn, tăng 33,44%. Diễn biến này cho thấy hoạt động xuất khẩu cao su của Việt Nam đang từng bước giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, đồng thời mở rộng hiện diện tại nhiều thị trường khác như Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia và Đài Loan (Trung Quốc).

Về chủng loại, cơ cấu mặt hàng cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Nhóm Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt kim ngạch 516,39 triệu USD, giảm 5,65% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 61,13% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su. Bên cạnh đó, các chủng loại như Latex, SVR 3L và SVR 10 vẫn duy trì vị trí quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu với tỷ trọng tương đối ổn định.

Một trong những lợi thế của ngành cao su Việt Nam là sở hữu diện tích trồng lớn, vùng nguyên liệu tương đối ổn định cùng hệ thống sản xuất, chế biến đã được hình thành và phát triển trong nhiều năm. Bên cạnh đó, vị trí địa lý thuận lợi khi nằm gần các thị trường tiêu thụ lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á, cùng với việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP và RCEP, đã tạo điều kiện thuận lợi để cao su Việt Nam tiếp cận và mở rộng thị phần tại nhiều thị trường quốc tế.

Ngoài ra, nhu cầu tiêu thụ cao su trên thế giới tiếp tục được duy trì, đặc biệt trong các ngành sản xuất lốp xe, ô tô và công nghiệp chế biến, góp phần tạo động lực cho hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, ngành cao su cũng đang đối mặt với không ít thách thức. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các quốc gia sản xuất cao su lớn trên thế giới làm gia tăng áp lực đối với doanh nghiệp trong nước. Đồng thời, các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát triển bền vững, tiêu chuẩn môi trường và truy xuất nguồn gốc cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự đầu tư và thích ứng phù hợp.

Trong thời gian tới, triển vọng xuất khẩu cao su của Việt Nam được đánh giá tương đối tích cực nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên trên thế giới vẫn duy trì ở mức ổn định. Tuy nhiên, để nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, ngành cao su cần tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, hạn chế sự phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường chủ lực. Đồng thời, cần đẩy mạnh xây dựng chuỗi cung ứng minh bạch, nâng cao năng lực truy xuất nguồn gốc và phát triển vùng nguyên liệu theo hướng bền vững nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao từ thị trường nhập khẩu.

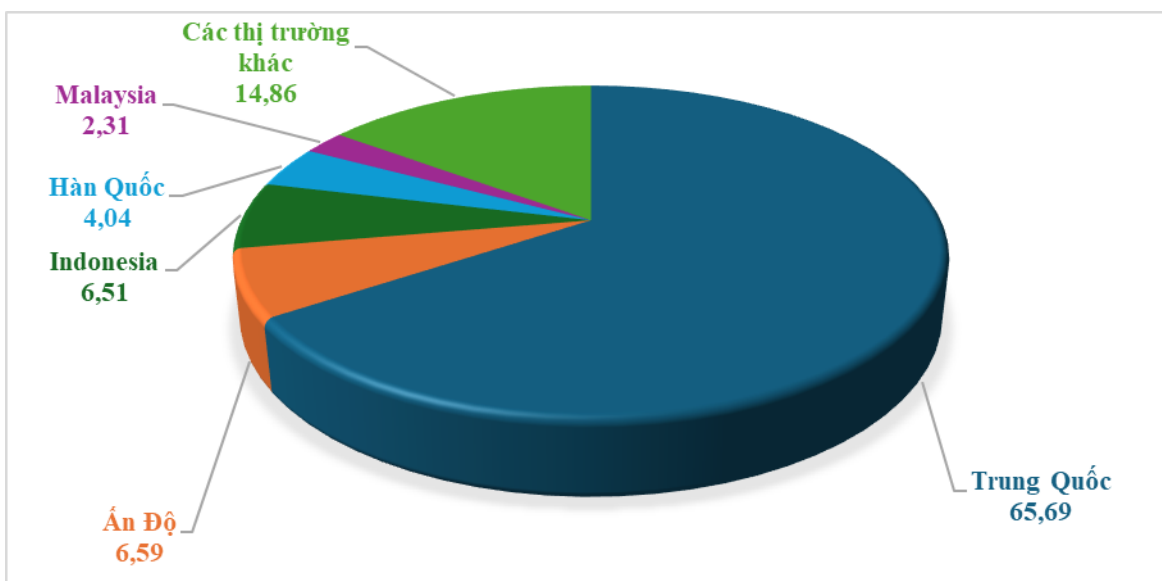
NỘI DUNG BÀI VIẾT:

Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu cao su trong 4 tháng đầu năm 2026

Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2026 có nhiều biến động, nhu cầu tiêu dùng tại một số thị trường lớn phục hồi chưa đồng đều, hoạt động sản xuất và xuất khẩu cao su trong nước nhìn chung vẫn duy trì sự ổn định, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Ngành cao su đang có sự chuyển dịch từng bước sang các sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao như lốp xe, găng tay, vật liệu kỹ thuật, đồng thời áp dụng dây chuyền tự động hoá, kiểm soát chất lượng bằng công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng.

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 4/2026 (Tỷ trọng % tính theo trị giá)

(ĐVT: %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 4/2026 giảm cả về lượng và trị giá so với tháng 3 và tháng 4/2025, cụ thể trị giá 137,18 triệu USD, giảm 34,8% so với tháng liền trước và giảm nhẹ 1,63% so với tháng 4/2025; sản lượng đạt 68,67 nghìn tấn, giảm

36,9% so với tháng liền trước và giảm nhẹ 4,45% so với tháng 4/2025. Giá cao su xuất khẩu trung bình đạt 1.998 USD/tấn, tăng 3,42% so với tháng 3/2026, nhìn chung giá cao su xuất khẩu đang phục hồi trở lại theo xu hướng tăng của thị trường thế giới.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch và sản lượng xuất khẩu cao su của Việt Nam so với cùng kỳ năm 2025 giảm về kim ngạch và tăng nhẹ về sản lượng, cụ thể trị giá 844,76 triệu USD, giảm 3,3%; sản lượng đạt 455,18 nghìn tấn, tăng 0,5%; giá xuất khẩu trung bình đạt 1.856 USD/tấn, giảm nhẹ 3,78%. Đáng chú ý, ba thị trường xuất khẩu cao su quan trọng nhất của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 là Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia với tỷ trọng chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này từ Việt Nam sang các thị trường.

Cơ cấu thị trường:

Dẫn đầu trong các thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam là Trung Quốc. Tính riêng trong tháng 4/2026, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường này đạt 73,67 triệu USD, giảm đáng kể 38,43% so với tháng 3/2026 và giảm 18,28% so tháng 4/2025; sản lượng đạt 37,75 nghìn tấn, giảm 39,82% so với tháng 3 và giảm 20,66% so với tháng 4/2025. Luỹ kế 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu cao su sang Trung Quốc đạt 540,33 triệu USD, giảm 12,36% so với cùng kỳ năm 2025; sản lượng đạt 292,66 nghìn tấn, giảm 9,54%.

Hiện nay, Trung Quốc nằm trong top các nhà nhập khẩu cao su lớn nhất trên thế giới. Nhu cầu nhập khẩu cao su từ quốc gia này rất mạnh, tăng đều qua các năm, chủ yếu là nhờ nhu cầu cao su trong ngành sản xuất sắm lốp ô tô. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, Trung Quốc đang có kế hoạch phát triển hơn nữa ngành sản xuất xe điện, xe hybrid, vì vậy triển vọng cho ngành cao su là rất lớn. Song, Hiệp hội cũng khuyến khích các doanh nghiệp Việt nâng cao giá trị xuất khẩu, có chiến lược cụ thể nhằm tối ưu chi phí, tăng giá trị cạnh tranh và đa dạng về chủng loại nhằm khẳng định thương hiệu sản phẩm trên thị trường.

Xếp ở vị trí thứ hai là thị trường Ấn Độ, trái ngược với sự sụt giảm ở thị trường Trung Quốc, xuất khẩu sang Ấn Độ lại ghi nhận mức tăng đáng kể cả về

lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, trong 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu cao su sang Ấn Độ đạt 54,23 triệu USD, tăng 33,71% so với 4 tháng đầu năm 2025; sản lượng đạt 26,45 nghìn tấn, tăng 33,44%. Tính riêng trong tháng 4/2026, xuất khẩu cao su sang thị trường Ấn Độ đạt 11,09 triệu USD, giảm 40,38% so với tháng trước nhưng tăng 8,20% so với tháng 4/2025; tương tự sản lượng đạt 4,98 nghìn tấn, giảm 43,86% so với tháng trước và giảm nhẹ 2,14% so với tháng 4/2025.

Theo Bộ Thương mại Ấn Độ, trong những năm qua, Việt Nam luôn nằm trong top 5 thị trường lớn nhất cung ứng cao su cho Ấn Độ, bởi đây là nơi tiêu thụ cao su hàng đầu nhờ quy mô ngành ô tô và các lĩnh vực công nghiệp tăng trưởng mạnh. Trong đó, sản xuất lốp xe là động lực chính thúc đẩy nhu cầu cao su tại thị trường này, chiếm phần lớn tổng lượng tiêu thụ. Sự tăng trưởng của phân khúc này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự mở rộng của ngành ô tô, bao gồm xe khách, xe thương mại, xe máy và thiết bị nông nghiệp.

Thời gian gần đây, thị trường cao su Ấn Độ chứng kiến sự chuyển dịch đáng kể hướng tới các phương thức sản xuất bền vững khi ý thức về môi trường ngày càng tăng cao. Các doanh nghiệp trong ngành đang đầu tư nhiều hơn vào các công nghệ chế biến thân thiện với môi trường và các phương pháp tìm nguồn cung ứng bền vững để giảm thiểu tác động đến môi trường. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu cao su Việt Nam cần lưu ý để đáp ứng nhu cầu của khách hàng tại Ấn Độ.

Xuất khẩu cao su sang các thị trường trong 4 tháng đầu năm 2026 cho thấy ngành cao su đang có xu hướng đa dạng hóa thị trường, từng bước giảm mức độ phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Nổi bật trong đó là Indonesia, thị trường này vươn lên xếp ở vị trí thứ ba với kim ngạch và sản lượng tăng ấn tượng so với cùng kỳ năm 2025, cụ thể trị giá 53,57 triệu USD, tăng 114,35% và sản lượng đạt 29,51 nghìn tấn, tăng 141,76%, chiếm tỷ trọng 6,51%. Ngoài ra, còn một số thị trường khác như Hàn Quốc (tăng 28,53% về lượng và 22,50% về trị giá), Malaysia (tăng 14,88% về lượng và 2,38% về trị giá), Đài Loan (Trung Quốc) (tăng 15,46% về lượng và 8,45% về trị giá) ...

Đáng chú ý, trong 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sang thị trường Pháp ghi nhận mức tăng mạnh nhất cả về lượng và trị giá so với các thị trường khác so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, xuất khẩu sang Pháp đạt kim ngạch 1,91 triệu USD (tăng 424,19%), sản lượng đạt 907 tấn (tăng 463,35%). Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang thị trường Nga lại ghi nhận mức giảm mạnh nhất, với kim ngạch đạt 5,79 triệu USD, giảm 51,69%; sản lượng đạt 2,93 nghìn tấn, giảm 50,63%, thị phần không đáng kể trong cơ cấu chung.

Bảng 1: Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4/2026 và 4 tháng đầu năm 2026

(ĐVT: Lượng – tấn; Trị giá – Nghìn USD; tỷ trọng tính theo trị giá)

Thị trường	Tháng 4/2026		So với tháng 3/2026 (%)		So với tháng 4/2025 (%)		4 tháng đầu năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)		Tỷ trọng (%)
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	
Tổng KNXX	68.670	137.183	-36,9	-34,8	-4,45	-1,63	455.181	844.760	0,5	-3,3	100,00
Trung Quốc	37.751	73.668	-39,82	-38,43	-20,66	-18,28	292.662	540.334	-9,54	-12,36	65,69
Ấn Độ	4.981	11.089	-43,86	-40,38	-2,14	8,20	26.446	54.225	33,44	33,71	6,59
Indonesia	3.973	7.701	-50,59	-49,25	165,93	147,32	29.505	53.573	141,76	114,35	6,51
Hàn Quốc	3.827	7.965	-19,45	-18,98	49,32	47,91	16.670	33.261	28,53	22,50	4,04
Malaysia	683	1.266	-73,07	-67,96	0,89	28,60	13.838	18.991	14,88	2,38	2,31
Thổ Nhĩ Kỳ	1.636	3.687	-41,88	-32,44	10,32	22,44	8.435	16.330	1,32	-0,32	1,99
Đài Loan	1.702	3.628	-9,85	-6,35	-0,35	1,01	7.530	15.049	15,46	8,45	1,83
Mỹ	505	1.141	-79,98	-77,43	-67,44	-62,16	7.620	14.452	-3,64	-10,01	1,76
Đức	1.685	3.599	-3,82	-4,30	73,35	72,97	6.221	12.727	48,83	38,75	1,55
Sri Lanka	902	1.966	77,91	97,45	260,80	272,40	4.687	8.099	22,82	16,89	0,98
Mexico	1.511	2.734	-2,01	-2,84	289,43	234,15	4.139	7.614	347,46	294,19	0,93
Braxin	933	1.898	-2,71	8,28	346,41	297,29	3.655	6.594	-12,87	-23,24	0,80
Nhật Bản	668	1.503	2,93	3,71	2,77	1,04	2.836	6.087	9,03	2,48	0,74
Nga	1.262	2.625	77,50	91,19	-28,86	-26,46	2.930	5.787	-50,63	-51,69	0,70
Italia	386	803	-68,54	-67,17	-40,16	-42,47	2.643	5.207	-13,03	-19,02	0,63
Canada	162	325	-71,48	-72,20	14,08	10,53	2.083	4.209	14,51	3,66	0,51
Pakixtan	457	955	-23,32	-16,05	12,01	26,50	1.977	3.485	-33,64	-39,52	0,42
Bỉ	753	1.166	-39,13	-36,41	217,72	297,43	2.334	3.434	-12,65	-11,52	0,42
Tây Ban Nha	371	748	1,37	-0,32	-34,45	-31,29	1.547	2.855	-38,73	-40,50	0,35
Hà Lan	230	418	-25,81	-27,32	-37,33	-43,60	1.501	2.546	-22,23	-30,64	0,31
Anh	148	273	-67,47	-68,88	4,96	-13,32	1.098	2.069	65,86	60,78	0,25
Pháp	262	593	85,82	87,34	555,00	543,55	907	1.913	463,35	424,19	0,23
Bangladesh	123	247	-47,21	-45,54	-26,79	-30,59	793	1.625	37,20	32,89	0,20
Pêru	249	556	59,62	72,49	-24,09	-20,70	605	1.268	-21,02	-23,87	0,15

Achentina	20	45	-83,47	-83,84	-79,59	-77,93	181	406	-30,38	-27,25	0,05
Thụy Điển	20	40	0,00	-1,97	-50,00	-48,58	81	162	-42,55	-46,36	0,02

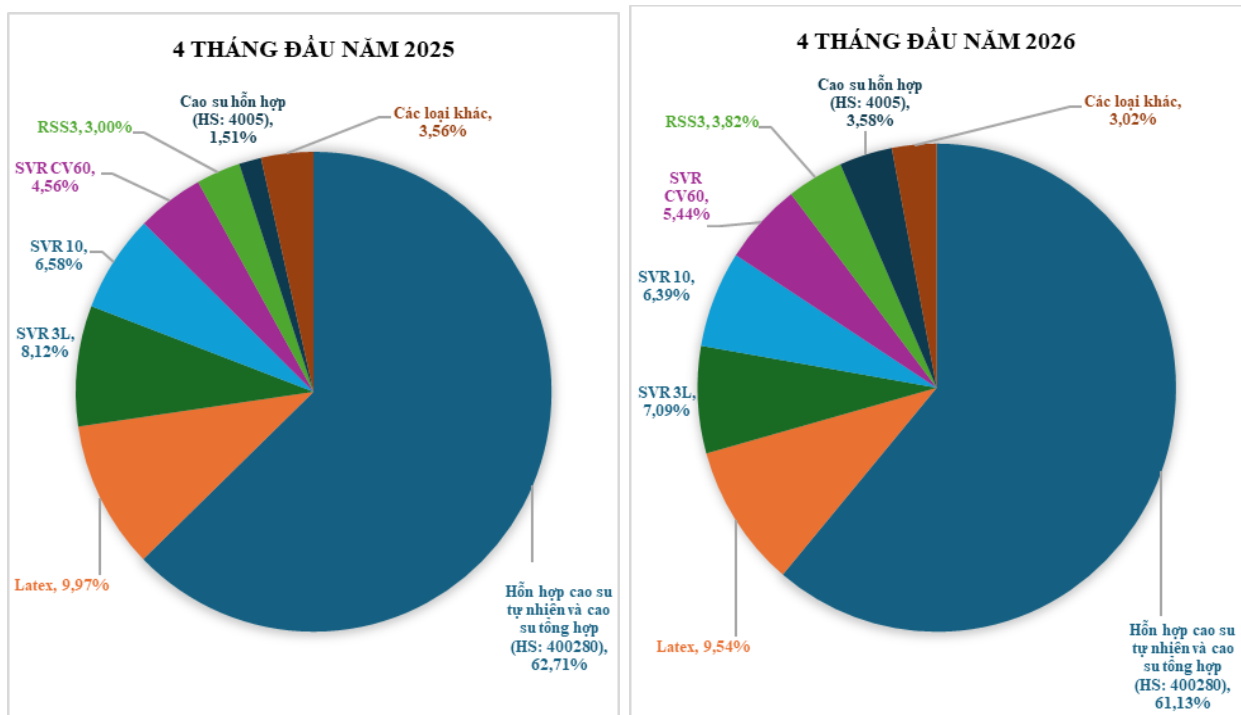
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng cao su của Việt Nam:

Nhìn chung, cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2025 và 2026 không có sự thay đổi lớn khi vẫn tập trung chủ yếu vào nhóm hàng chính là Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280). Ngoài ra, một số mặt hàng khác vẫn giữ vững vị trí là Latex, SVR 3L hay SVR 10, với tỷ trọng không có quá nhiều thay đổi giữa hai giai đoạn.

Biểu đồ 2: Cơ cấu chủng loại mặt hàng cao su xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2025 và năm 2026

(ĐVT: %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Theo tính toán sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan, đứng đầu trong nhóm chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường trong 4 tháng đầu năm 2026 là Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280), với kim ngạch đạt 516,39 triệu USD, giảm 5,65% so với cùng kỳ năm 2025; chiếm tỷ trọng lớn nhất là 61,13%. Tính riêng trong tháng 4/2026, kim ngạch xuất khẩu

nhóm cao su này đều giảm, cụ thể đạt 68,39 triệu USD, giảm đáng kể 38,51% so với tháng 3/2026 và giảm 14,95% so với tháng 4/2025.

Xếp ở vị trí thứ hai là Latex, với kim ngạch trong 4 tháng đầu năm 2026 đạt 80,56 triệu USD, giảm nhẹ 7,44% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 9,54%. Tính riêng trong tháng 4/2026, kim ngạch xuất khẩu Latex đạt 6,72 triệu USD, giảm mạnh 69,06% so với tháng 3 nhưng tăng 1,26% so với tháng 4/2025. Đáng chú ý, trong khi phần lớn các mặt hàng cao su xuất khẩu đều ghi nhận mức giảm so với 4 tháng đầu năm 2025 thì có hai mặt hàng là Cao su hỗn hợp (HS: 4005) và CSR 10 lại ghi nhận mức tăng rất mạnh, cụ thể kim ngạch xuất khẩu Cao su hỗn hợp (HS: 4005) đạt 30,27 triệu USD, tăng 1139,11%; kim ngạch xuất khẩu CSR10 đạt 2,18 triệu USD, tăng 243,79%.

Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều SVR 3L, SVR 10, SVR CV60 với kim ngạch lần lượt đạt 59,87 triệu USD (giảm 15,56%); 54,01 triệu USD (giảm 5,88%) và 45,95 triệu USD (tăng 15,57%).

Bảng 2: Một số chủng loại cao su xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 4/2026 và 4 tháng đầu năm 2026

(Trị giá: Nghìn USD)

Chủng loại mặt hàng	Tháng 4/2026			4 tháng đầu năm 2026		
	Trị giá	So với tháng 3/2026 (%)	So với tháng 4/2025 (%)	Trị giá	So với cùng kỳ năm 2025	Tỷ trọng (%)
Tổng KNXX	137.183	-34,8	-1,63	844.760	-3,3	100,00
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	68.388	-38,51	-14,95	516.388	-5,65	61,13
Latex	6.723	-69,06	1,26	80.561	-7,44	9,54
SVR 3L	12.519	-29,87	-19,66	59.870	-15,56	7,09
SVR 10	13.433	-13,35	17,88	54.011	-5,88	6,39
SVR CV60	9.705	-26,58	17,32	45.945	15,57	5,44
RSS3	8.620	-23,98	22,02	32.239	23,00	3,82
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	8.551	-3,13	1161,56	30.273	1139,11	3,58
SVR CV50	2.548	-39,15	-10,73	10.425	-20,74	1,23
RSS1	1.429	-53,71	12,33	8.276	-11,64	0,98
Cao su tổng hợp	1.625	212,60	-8,49	3.213	-55,38	0,38

SVR 5	1.071	25,43	-9,30	2.711	-19,13	0,32
Cao su tái sinh	874	64,16	45,64	2.647	23,53	0,31
CSR 10	908	-15,62		2.179	243,79	0,26
SVR L	392	-14,77	23,73	1.289	13,36	0,15
SVR 20	326	159,20	-74,19	1.002	-85,84	0,12
SVR CV40	43	-50,00	2,67	211	143,59	0,02

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

(1) Yếu tố thuận lợi

Yếu tố thuận lợi đầu tiên đó là Việt Nam sở hữu diện tích trồng cao su lớn, vùng nguyên liệu tương đối ổn định cùng hệ thống cơ sở sản xuất kinh doanh đã phát triển trong nhiều năm. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), hiện Việt Nam có diện tích trồng cây cao su khoảng 910 nghìn ha với sản lượng mủ đạt 1,3 triệu tấn/năm. Điều này giúp đảm bảo khả năng cung ứng nguyên liệu với sản lượng lớn và chất lượng tương đối đồng đều.

Bên cạnh đó, Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi trong hoạt động thương mại khi nằm gần các đối tác nhập khẩu cao su lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Nhờ đó, chi phí vận chuyển được giảm nhẹ, thời gian giao hàng cũng được thu ngắn, góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP hay RCEP, đây đều là những động lực quan trọng giúp giảm thiểu hàng rào thuế quan và phi thuế quan, củng cố quan hệ với đối tác truyền thống cũng như mở ra cơ hội tiếp cận với các thị trường mới tiềm năng. Với một mặt hàng có điểm yếu là còn phụ thuộc vào các thị trường chủ lực như cao su thì việc sở hữu mạng lưới FTA giúp doanh nghiệp Việt đa dạng hóa thị trường, thích nghi với những thay đổi của tình hình quốc tế.

Yếu tố thuận lợi thứ hai là xu hướng tiêu thụ cao su ngày càng tăng trên thế giới, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp ô tô, sản xuất lốp xe và công nghiệp chế biến. Trong bối cảnh khoa học – công nghệ hiện đại đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nếu biết khai thác thị trường và đáp ứng đúng nhu cầu của các đối tượng khách hàng, doanh nghiệp xuất khẩu cao su sẽ có thêm rất nhiều cơ hội. Cao

su là nguyên liệu đầu vào quan trọng để sản xuất nhiều mặt hàng như lốp xe, dây đai, gioăng cao su, linh kiện ô tô, găng tay y tế. Theo dự báo của Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu năm 2026 tiếp tục tăng và thậm chí vượt sản lượng cung ứng năm thứ sáu liên tiếp. Đây chính là cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu cao su Việt mở rộng đơn hàng, tăng giá trị xuất khẩu và củng cố vị thế tại các thị trường chủ lực.

(2) Yếu tố khó khăn

Sự cạnh tranh mạnh mẽ với các đối thủ lớn trên toàn cầu là khó khăn mà các doanh nghiệp xuất khẩu cao su Việt Nam đã và đang phải đối mặt trong những năm qua. Áp lực ngày càng gia tăng từ các quốc gia sản xuất và xuất khẩu cao su lớn trên thế giới như Thái Lan, Indonesia, Malaysia và một số nước châu Phi như Côte d'Ivoire khi các quốc gia này không chỉ có lợi thế về diện tích trồng và sản lượng mà còn đang tích cực đầu tư vào công nghệ chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Điển hình như Thái Lan, giữ vị trí hàng đầu về xuất khẩu nhiều loại cao su như Latex cô đặc, cao su hỗn hợp, cao su kỹ thuật (TSR), không chỉ vậy nước này còn sở hữu hệ thống chế biến lớn cùng với những chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, điển hình như Chính sách bảo đảm thu nhập và ổn định giá cao su, các chương trình khuyến khích các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp sử dụng cao su tự nhiên trong lĩnh vực như thủy lợi, giao thông, công nghiệp ...; trong khi đó, Malaysia nổi tiếng là nhà sản xuất găng tay cao su tự nhiên hàng đầu thế giới và là nhà sản xuất bao cao su lớn thứ hai thế giới, nước này còn có tiềm năng đáng kể trong phân ngành cao su khi được hỗ trợ bởi 200 doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) sản xuất các sản phẩm chuyên biệt. Điều đáng nói là các thị trường này đều cùng hướng đến nhiều thị trường xuất khẩu giống nhau như Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia Đông Á, và sắp tới là thâm nhập sâu hơn vào thị trường Mỹ, châu Âu.

Ngoài ra, một khó khăn khác mà ngành cao su phải đối mặt đó là những yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn xanh, bền vững và truy xuất nguồn gốc xuất xứ. Tại Việt Nam, phần lớn hoạt động sản xuất cao su vẫn phụ thuộc vào nhiều hộ trồng quy mô nhỏ, tỷ lệ cao su tiểu điền tại Việt Nam là khoảng 50%, khác với các

doanh nghiệp có hệ thống quản lý chặt chẽ, các tiêu chuẩn thường thiếu hồ sơ pháp lý đầy đủ và gặp khó khăn về truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Trong khi đó, Liên minh châu Âu đã triển khai Quy định chống mất rừng của (EUDR), đưa ra những yêu cầu khắt khe đối với ngành cao su, đặc biệt là tại khu vực sông Mekong, buộc phải chứng minh sản phẩm không liên quan đến hoạt động phá rừng và có đầy đủ thông tin truy xuất nguồn gốc. Trước áp lực từ EUDR, nhiều doanh nghiệp trong nước đã chủ động điều chỉnh để thích nghi với tình hình mới.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH MỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN MẶT HÀNG CAO SU

- ***Chính sách thuế quan mới của Trung Quốc***

Theo hãng thông tấn Xinhua, Trung Quốc đã chính thức bãi bỏ thuế nhập khẩu đối với gần như toàn bộ các quốc gia châu Phi, có hiệu lực từ ngày 1/5/2026. Động thái này mở rộng chính sách ưu đãi thương mại trước đó, nâng tổng số nước được hưởng thuế suất 0% lên 53 quốc gia.

Trước đó, vào tháng 12/2024, Trung Quốc đã xóa thuế đối với 33 quốc gia kém phát triển nhất tại châu Phi. Với quyết định mới, thêm 20 quốc gia khác cũng được hưởng ưu đãi, trong khi Eswatini – quốc gia châu Phi duy nhất duy trì quan hệ ngoại giao với Đài Loan – không nằm trong danh sách và vẫn chịu thuế nhập khẩu. Chính sách miễn thuế sẽ kéo dài đến ngày 30/4/2028.

Theo Bộ Thương mại Trung Quốc, việc xóa bỏ thuế quan giúp tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa châu Phi tại thị trường Trung Quốc, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào khâu chế biến tại châu Phi thay vì chỉ nhập khẩu nguyên liệu thô.

Như vậy, khi hàng hóa từ nhiều quốc gia châu Phi được hưởng thuế suất ưu đãi hoặc miễn thuế, chi phí nhập khẩu của doanh nghiệp Trung Quốc đối với nguồn cung từ châu Phi sẽ giảm xuống. Đối với Việt Nam, Trung Quốc hiện là nhà nhập khẩu cao su lớn nhất, điều này không đồng nghĩa với việc xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng ngay lập tức, song nó có thể tạo áp lực cạnh tranh

mạnh mẽ trên thị trường trong bối cảnh cao su Việt Nam đã phải cạnh tranh với nhiều đối thủ lớn khác. Trong trường hợp các nhà sản xuất lốp xe và công nghiệp chế biến tại Trung Quốc tìm được nguồn cung ổn định từ châu Phi với chi phí thấp hơn, doanh nghiệp Việt Nam có thể phải điều chỉnh chiến lược giá hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ thị phần.

- ***Quy định Chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EU)***

Quy định Chống phá rừng (EUDR) của Liên minh châu Âu sẽ được áp dụng với các doanh nghiệp lớn và vừa từ ngày 30/12/2026; các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ từ ngày 30/6/2027.

Các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát triển bền vững và truy xuất nguồn gốc từ thị trường quốc tế đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất với ngành cao su hiện nay. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) dự kiến áp dụng giai đoạn 2026 - 2027 sẽ đặt ra yêu cầu rất cao về truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Trong khi đó, hơn 50% nguồn cung cao su của Việt Nam đến từ các khu vực canh tác nông nghiệp quy mô nhỏ của các hộ nông dân, khiến việc đáp ứng các tiêu chuẩn này gặp nhiều khó khăn. Do đó, nếu doanh nghiệp không tìm ra giải pháp, cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng tại thị trường EU sẽ có nguy cơ bị thu hẹp mạnh.

TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU HÀNG CAO SU TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cao su của Việt Nam duy trì tăng trưởng nhẹ về sản lượng trong bối cảnh nhu cầu từ thị trường Trung Quốc có dấu hiệu chững lại. Tuy nhiên, giá xuất khẩu bình quân giảm khiến kim ngạch chưa cải thiện tương ứng.

Trong thời gian tới, triển vọng xuất khẩu cao su của Việt Nam được đánh giá tương đối tích cực nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên trên thế giới vẫn được duy trì trong các ngành như sản xuất lốp xe, ô tô và công nghiệp chế biến, song vẫn đi kèm nhiều thách thức. Ảnh hưởng từ biến động giá thế giới, sự phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc hay những yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn môi trường, truy xuất nguồn gốc của các thị trường nhập khẩu lớn đang trở thành

mối lo ngại với nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm vừa và nhỏ. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu cao su trong thời gian tới:

+ Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao triển vọng xuất khẩu cao su là *đa dạng hóa thị trường xuất khẩu*, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường chủ lực. Việc phụ thuộc khiến ngành cao su đối mặt với nhiều rủi ro khi quốc gia nhập khẩu thay đổi chính sách thương mại, điều chỉnh tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc suy giảm nhu cầu tiêu dùng. Do đó, các doanh nghiệp cần chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu sang những khu vực có tiềm năng tăng trưởng lớn như Ấn Độ, Hàn Quốc, Indonesia, Hoa Kỳ, và thị trường EU. Đây đều là những thị trường có nhu cầu sử dụng cao su cho sản xuất lốp xe, linh kiện công nghiệp và nhiều sản phẩm chế biến khác. Thực tế cho thấy cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam đã bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực, nhưng chưa đồng bộ và thống nhất. Doanh nghiệp nên chủ động khai thác tiềm năng và tìm kiếm thông tin thị trường để có chiến lược thâm nhập hiệu quả nhất.

+ Để khắc phục khó khăn liên quan đến các tiêu chuẩn xanh và yêu cầu truy xuất nguồn gốc ngày càng nghiêm ngặt từ thị trường nhập khẩu, ngành cao su Việt Nam cần tập trung xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng minh bạch và phát triển vùng nguyên liệu theo hướng bền vững. Việc hỗ trợ các hộ cao su tiểu điền hoàn thiện hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất, chuẩn hoá dữ liệu sản xuất và ứng dụng công nghệ số vào quản lý vùng trồng cần được Nhà nước và các Hiệp hội liên quan ưu tiên thực hiện. Bởi việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử và áp dụng mã định danh vùng nguyên liệu sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của các thị trường nhập khẩu lớn.

Bên cạnh đó, cần tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và các hộ sản xuất nhỏ thông qua mô hình hợp tác xã hoặc chuỗi liên kết sản xuất. Điều này không chỉ giúp kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào mà còn hỗ trợ người trồng tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất bền vững. Đồng thời, các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư vào hệ thống quản trị môi trường, áp dụng các chứng nhận quốc tế như FSC hoặc PEFC nhằm đáp ứng yêu cầu của các thị trường lớn. Việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh và minh bạch không chỉ giúp ngành

cao su vượt qua rào cản kỹ thuật mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu trong dài hạn.